TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN QUẢNG NINH** **TỈNH QUẢNG BÌNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 52/2018/QĐST-HNGĐ	*Quảng Ninh, ngày 01 tháng 10 năm 2018.*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý 69/2018/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 8 năm 2018 giữa:

- Nguyên đơn: Chị Trương Thị H, sinh năm 1993

Địa chỉ: Thôn Đ, xã G, huyện Q, tỉnh Quảng Bình.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Bảo Q, sinh năm 1990

Địa chỉ: Thôn P, xã G, huyện Q, tỉnh Quảng Bình.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 55, 58, 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 21 tháng 9 năm 2018.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 21 tháng 9 năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Trương Thị H và anh Nguyễn Bảo Q.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về con chung: Chị Trương Thị H và anh Nguyễn Bảo Q đều thống nhất có 01 con chung tên là Nguyễn Quang Bảo Q, sinh ngày 27/7/2012.

Hai bên thỏa thuận: Giao cháu Q cho anh Q trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Anh Q cam đoan có đủ điều kiện để nuôi dưỡng con và không yêu cầu Tòa án giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con. Chị H không phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con hàng tháng.

Sau khi ly hôn, bên không trực tiếp nuôi con chung có quyền và nghĩa vụ qua lại thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai được ngăn cản.

- Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự thống nhất không có nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

- Về án phí dân sự: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Hai bên thỏa thuận: Chị Trương Thị H chịu trách nhiệm nộp 150.000 đồng *(Một trăm năm mươi ngàn đồng)* tiền án phí ly hôn để sung vào công quỹ nhà nước, được trừ vào số tiền 300.000đồng *(Ba trăm ngàn đồng)* tiền tạm ứng án phí mà chị H đã nộp theo Biên lai số 0004620 ngày 20/8/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình. Chị H được nhận lại 150.000 đồng *(Một trăm năm mươi ngàn đồng).*

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND huyện Quảng Ninh;
- THADS huyện Quảng Ninh;
- TAND tỉnh Quảng Bình;
- UBND xã G;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(đã ký)

Trần Đức Long